

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2025/HNGĐ- ST

Ngày: 24-6-2025

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Vinh

2. Ông Phạm Ngọc Thiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Trí Danh- Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2025/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 952/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 119/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 134/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lò Thị L**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Bản M, xã Th, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: **Anh Lương Văn D**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Bản M, xã Th, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Lương Văn D kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 03/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Thôm Mòn, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2025 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh Dũng chơi lô đề, cờ bạc, nợ nần, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Lò Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Lương Văn D.

Về con chung: Chị Lò Thị L và anh Lương Văn D có 02 (hai) con chung là cháu Lương Duy Kh, sinh ngày 28/5/2016 và cháu Lò Gia H, sinh ngày 14/7/2023.

Hiện tại cháu Lương Duy Kh và cháu Lò Gia H đang ở với chị Lò Thị L. Chị Lò Thị L có nơi cư trú ổn định. Chị Lò Thị L là thợ may đo quần áo, trồng trọt, chăn nuôi, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Chị Lan có đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con chung.

Chị Lò Thị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lương Duy Kh và cháu Lò Gia H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị L không yêu cầu anh Lương Văn D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị L cam đoan không có nợ chung.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn anh Lương Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lương Văn D và chị Lò Thị L kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn 03/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Thôm Mòn, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2025 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Dũng chơi lô đề, cờ bạc, nợ nần, mâu thuẫn vợ chồng không đáng kể. Anh Lương Văn D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không nhất trí ly hôn chị Lò Thị L.

Về con chung: Anh Lương Văn D và chị Lò Thị L có 02 (hai) con chung là cháu Lương Duy Kh, sinh ngày 28/5/2016 và cháu Lò Gia H, sinh ngày 14/7/2023. Anh Lương Văn D làm nhân viên giao hàng, có thu nhập.

Anh Lương Văn D nhất trí để chị Lò Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lương Duy Kh và cháu Lò Gia H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lương Văn D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lương Duy Kh, sinh ngày 28/5/2016 và cháu Lò Gia H, sinh ngày 14/7/2023 mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Lương Duy Kh và cháu Lò Gia H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lương Văn D cam đoan không có nợ chung.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 08/5/2025, ngoài những tài liệu, chứng cứ do chị Lan đã giao nộp, chị Lan không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 25/4/2025: Tại Bản M, xã Th, huyện TC, tỉnh Sơn La. Chị Lò Thị L, anh Lương Văn D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thôm Mòn, huyện TC, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn không nắm rõ. Chị Lò Thị L và anh Lương Văn D có 02 (hai) con chung là cháu Lương Duy Kh, sinh ngày 28/5/2016 và cháu Lò Gia H, sinh ngày 14/7/2023. Tài sản chung, nợ chung: Không nắm được.

Tại biên bản ghi ý kiến, cháu Lương Duy Kh có nguyện vọng là ở với mẹ.

Chị Lò Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Lan giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Bị đơn anh Lương Văn D đã được triệu tập hợp lệ, giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện TC. Anh Lương Văn D không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị L được ly hôn anh Lương Văn D.

Về con chung: Giao cháu Lương Duy Kh, sinh ngày 28/5/2016 và cháu Lò Gia H, sinh ngày 14/7/2023 cho chị Lò Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lương Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Lương Duy Kh, sinh ngày 28/5/2016 và cháu Lò Gia H, sinh ngày 14/7/2023, mức cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000đ (một triệu đồng)/ tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị L, anh Lương Văn D cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Lương Văn D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị Lò Thị L yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lương Văn D có địa chỉ tại Bản M, xã Th, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị L, bị đơn anh Lương Văn D: Nguyên đơn chị Lò Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn anh Lương Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lò Thị L và anh Lương Văn D kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 03/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Thôn Mòn, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn đến năm 2025 có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Dũng chơi lô đề, cờ bạc, nợ nần dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lan cho

rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Lương Văn D. Anh Lương Văn D không nhất trí ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lan và anh Dũng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Lò Thị L được ly hôn anh Lương Văn D. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Chị Lò Thị L và anh Lương Văn D có 02 (hai) con chung là cháu Lương Duy Kh, sinh ngày 28/5/2016 và cháu Lò Gia H, sinh ngày 14/7/2023. Chị Lò Thị L và anh Lương Văn D đều có ý kiến giao cháu Lương Duy Kh và cháu Lò Gia H cho chị Lò Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Chị Lan, anh Dũng có nơi cư trú rõ ràng, đều có thu nhập. Chị Lò Thị L làm thợ may, trồng trọt, chăn nuôi, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Chị Lan là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lương Duy Kh và cháu Lò Gia H.

Ý kiến cháu Lương Duy Kh có nguyện vọng là ở với mẹ.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Để đảm bảo quyền, lợi ích của con, cần giao cháu Lương Duy Kh, sinh ngày 28/5/2016 và cháu Lò Gia H, sinh ngày 14/7/2023 cho chị Lò Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lương Văn D làm nhân viên giao hàng, có thu nhập, anh Dũng tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lương Duy Kh, sinh ngày 28/5/2016 và cháu Lò Gia H, sinh ngày 14/7/2023, mức cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000đ (một triệu đồng)/ tháng, kể từ tháng 6/2025 cho đến khi cháu Lương Duy Kh và cháu Lò Gia H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là có căn cứ cần chấp nhận.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về tài sản riêng*: Không có.

[6] *Về nợ chung*: Chị Lò Thị L, anh Lương Văn D cam đoan không có nợ chung.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn chị Lò Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Lương Văn D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27; Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị L được ly hôn anh Lương Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Duy Kh, sinh ngày 28/5/2016 và cháu Lò Gia H, sinh ngày 14/7/2023 cho chị Lò Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lương Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lương Duy Kh, sinh ngày 28/5/2016 và cháu Lò Gia H, sinh ngày 14/7/2023, mức cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 06/2025 cho đến khi cháu Lương Duy Kh và cháu Lò Gia H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị Lò Thị L và anh Lương Văn D cam đoan không có nợ chung.

7. Về án phí: Chị Lò Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0002742, ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La.

Anh Lương Văn D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị L, anh Lương Văn D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,

Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã Thôm Mòn, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Mai Xiêng